DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ VAN AN TOÀN VÀ ỐNG LÒ HƠI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG 1

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
	PHẦN CƠ								
	Hệ thống lò hơi và thiết bị phụ trợ								**Tháng 03/2027**
I	**Hệ thống van an toàn**								
1		Van an toàn bao hơi	51311056	1749WB-5-S-516-F3-LD	TYPE: 1749WB-5-S-516-F3-LD; BACK PRESSURE RATING: 20.25; APPLICATION: USED FOR DRUM OF BOILER; TEMPERATURE RATING: 540; BODY MATERIAL: SA216 WCC CARBON STEEL; ADDITIONAL INFORMATION: MADE IN BAKER HUGHES-CONSOLIDATED/CHINA, butt weld; CAPACITY: 274-286; SEAT MATERIAL: Stainless stell; OPERATOR: SET POINT PRESSURE; ITEM NAME: SAFETY VALVE; SETTING RANGE: 19.66-20.25; SIZE: DN80	BAKER HUGHES-CONSOLIDATED/ CHINA	Bộ	1	
2		Van an toàn quá nhiệt	51311024	3" 1740WD-5-S-508-F3	VALVE; SAFETY TYPE: 1740WD-5-S-508-F3 SIZE: 3 in SEAT MATERIAL: Stainless stell OPERATOR: SET POINT PRESSURE SETTING RANGE: 18.3-18.36 MPa BODY MATERIAL: SA 217 WC6 ALLOY STEEL TEMPERATURE RATING: 546 deg C APPLICATION: MAIN STEAM PIPE BACK PRESSURE RATING: 18.30-18.38 MPa ADDITIONAL INFORMATION: Baker Hughes-Consolidated- Trung Quốc	BAKER HUGHES-CONSOLIDATED/ CHINA	Bộ	1	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
3		Van an toàn đường tái nhiệt lạnh	51311058	"6"" 1705RRWB-5-S-537-F1"	VALVE; SAFETY TYPE: Spring-loaded Safety Valve / Boiler Safety Valve / Maxiflow Safety Valve SIZE: inlet 6 inch x outlet 8 inch in OPERATOR: Spring-loaded, self-actuated SETTING RANGE: 100–5360 psig (0.69–36.96 MPa) MPa BODY MATERIAL: SA-216 WCC Carbon Steel TEMPERATURE RATING: 331 deg C APPLICATION: COLD REHEAT LINE / REHEATER INLET BACK PRESSURE RATING: 4.41 MPa ADDITIONAL INFORMATION: Model: 1705RRWB-5-S-537-F1 Size inlet 6 inch x outlet 8 inch SEAT MATERIAL: Stainless steel BODY MATERIAL SA216 WCC CARBON STEEL BUTTWELD PROFILE CODE 537, TEMPERATURE RATING: 331 deg C PRESSURE RATING: 4.41 Mpa	BAKER HUGHES-CONSOLIDATED/ CHINA	Bộ	1	
4		Van an toàn đường tái nhiệt nóng	51311059	6" 1705RWD-5-S-517-F1	VALVE; SAFETY TYPE: SPRING-LOADED SAFETY VALVE / BOILER SAFETY VALVE / CONSOLIDATED MAXIFLOW™ SAFETY VALVE SIZE: 6 IN INLET × 8 IN OUTLET in OPERATOR: SPRING-LOADED, SELF-ACTUATED SETTING RANGE: N/A BODY MATERIAL: SA-217 GR. WC6 ALLOY STEEL TEMPERATURE RATING: 540 deg C APPLICATION: HOT REHEAT LINE / REHEATER OUTLET BACK PRESSURE RATING: 5.43 MPa ADDITIONAL INFORMATION: Model 1705RWD-5-S-517-F1 Size inlet 6 inch x outlet 8 inch, Set Pressure 5.43 Mpa SEAT MATERIAL: Stainless steel BODY MATERIAL SA217 GR WC6 ALLOY STEEL BUTTWELD PROFILE CODE 517, TEMPERATURE RATING: 540 deg C PRESSURE RATING: 5.43 Mpa	BAKER HUGHES-CONSOLIDATED/ CHINA	Bộ	1	
II	**Ống các bộ quá nhiệt**								

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
5		Ống bộ hâm	24618066	Type:TUBEΦ60x10 Mat: ASME SA-213T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60X10 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 10 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 THREAD TYPE: Unthreaded pipe ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAC-M-M1A-DID-0002		M	20	
6		Ống hệ thống sinh hơi	24618063	Type:TUBEΦ60x6.5 Mat: ASME SA-210C	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60x6.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 6.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-210C THREAD TYPE: Unthreaded pipe ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAD-M-M1A-DID-0054		M	100	
7			24618062	Type:TUBE MLT Φ60x6 Mat: ASME SA-210C PN1491520001	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60x6 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 6 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-210C THREAD TYPE: Unthreaded pipe ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAD-M-M1A-DID-0115		M	200	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
8		Ống dàn quá nhiệt trần	24618036	Type:TUBE Φ44.5x7.5 Mat: ASME SA213-T12	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF OUTSIDE DIAMETER: 44.5 mm mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 7.5 mm mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: 12X1MF THREAD TYPE: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Superheater tube; P/N PN1493720009-1; material 12X1MF (12Cr1MoV); OD 44.5 mm; wall thickness 7.5 mm; length 9000 mm; drawing VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0014, positions 0346÷0350		M	56	
9			24618069	Type:TUBE Φ51x7 Mat: ASME SA213-T12	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH 120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T12 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0354		M	50	
10		Ống dàn quá nhiệt cấp 1	24618030	Type:TUBEΦ51x7.5 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: Babcock & wilcox/ China, VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0160÷0169		M	34	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
11		Ống dàn quá nhiệt cấp 2	24618031	Type:TUBEΦ51x7.5 Mat: ASME SA-213-T91	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T91 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0160÷0169; VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0003		M	180	
12			24618030	Type:TUBEΦ51x7.5 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: Babcock & wilcox/ China, VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0160÷0169		M	200	
13		Dàn ống qua nhiệt mành	24618029	Type:TUBEΦ51x7 Mat: ASME SA-213-T91	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T91 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0177/178/179/180/181/182		M	30	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
14		Dàn ống qua nhiệt mành	24618027	Type:TUBEΦ51x7 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH 120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7 mm LENGTH: 9 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0177/178/179/180/181/182		M	69	
15			24618030	Type:TUBEΦ51x7.5 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ51X7.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 51 mm SCHEDULE: SCH120 NOMINAL WALL THICKNESS: 7.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: Babcock & wilcox/ China, VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0160÷0169		M	100	
16		Dàn ống tái nhiệt giữa	24618060	Type:TUBEΦ60x4.5 Mat: ASME SA-213-T91	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60X4.5 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 4.5 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T91 METHOD OF MANUFACTURE: BWBC THREAD TYPE: N/A ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0005÷0008		M	160	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
17		Dàn ống tái nhiệt giữa	24618003	Type:TUBEΦ60x4 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60X4 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: SHC40 NOMINAL WALL THICKNESS: 4 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 METHOD OF MANUFACTURE: BWBC THREAD TYPE: NO THREAD ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0004; VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0083..0087		M	200	
18			24618061	Type:TUBEΦ60x6 Mat: ASME SA-213-T22	PIPE; ALLOY STRUCTURAL STEEL 12X1MF NOMINAL PIPE SIZE: Φ60X6 mm OUTSIDE DIAMETER: 60 mm SCHEDULE: N/A NOMINAL WALL THICKNESS: 6 mm LENGTH: 9000 mm MATERIAL STANDARD: ASME SA-213T22 METHOD OF MANUFACTURE: BWBC THREAD TYPE: Unthreaded pipe ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0003		M	150	
III	**Ống sinh hơi**								
19		Ống chia đôi	48248080	Bifurcate Ø60; D1=48 Mat SA234WPC	ELBOW; OTHER MODEL: B&WB44052-09 TYPE: Splitter tube MANUFACTURER: BWBC SIZE: Ø60x6 ; D1=48 mm MATERIAL: Mat SA234WPC ADDITIONAL INFORMATION: Furnace tubes and bars: Bifurcate Ø60; D1=48 Mat SA234WPC		Cái	10	
IV	**Ống bộ hâm**								

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
20		Ống chia đôi	48248081	Bifurcate Ø60/Ø51; 43.8/39. Mat SA234WPC	ELBOW; OTHER MODEL: B&WB44053-09 TYPE: Splitter tube MANUFACTURER: BWBC SIZE: Ø60/Ø51; 43.8/39 mm MATERIAL: Mat SA234WPC ADDITIONAL INFORMATION: Economizer tubes: Bifurcate Ø60/Ø51; 43.8/39. Mat SA234WPC		Cái	10	
21		90 degree elbow	48242218	"90 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R153, L=500, Vật liệu: SA 210C	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X6 mm MATERIAL: SA 210C PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 51 mm ADDITIONAL INFORMATION: ECONOMIZER/ BWBC/ CHINA;VA1-BWBC-00HAC-M-M1A-DID-0002		Cái	15	
22		180 degree elbow	48248063	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R51, L=500, Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R51, L=500 SIZE: Ø51X6 mm MATERIAL: SA 210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAC-M-M1A-DID-0002.		Cái	20	
23		180 degree elbow	48248040	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: STANDARD / NON-STANDARD FABRICATION TYPE: 180° ELBOW – R153 – L500 SIZE: OD 51 mm × WT 6 mm mm MATERIAL: ASTM SA210C CARBON STEEL ADDITIONAL INFORMATION: USED FOR ECONOMIZER SYSTEM		Cái	5	
V	**Bộ quá nhiệt cấp 1**								

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
24		Ống chia đôi	48248082	Bifurcate Casting Ø51; 39. Mat SA234WPC	ELBOW; OTHER MODEL: B&WB44069-10 TYPE: Splitter tube MANUFACTURER: BWBC SIZE: Ø51; D1:Ø39 mm MATERIAL: Mat SA234WPC ADDITIONAL INFORMATION: Primary superheater: Bifurcate Casting Ø51; 39. Mat SA234WPC		Cái	10	
25		180 degree elbow	48248064	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R51, L=500, Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R51, L=500 SIZE: Ø51X6 mm MATERIAL: SA 210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	20	
26		180 degree elbow	48248040	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: STANDARD / NON-STANDARD FABRICATION TYPE: 180° ELBOW – R153 – L500 SIZE: OD 51 mm × WT 6 mm mm MATERIAL: ASTM SA210C CARBON STEEL ADDITIONAL INFORMATION: USED FOR ECONOMIZER SYSTEM		Cái	5	
27		90 degree elbow	48242218	90 degree elbow, Kích thước: Ø51X6; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA210C	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X6 mm MATERIAL: SA 210C PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 51 mm ADDITIONAL INFORMATION: ECONOMIZER/ BWBC/ CHINA;VA1-BWBC-00HAC-M-M1A-DID-0002		Cái	15	
28		180 degree elbow	48248066	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X7; Kiểu: R51, L=500, Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R51, L=500 SIZE: Ø51X7 mm MATERIAL: SA 210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	20	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
29		180 degree elbow	48248067	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X7; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA 210C	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X7 mm MATERIAL: SA 210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	20	
30		90 degree elbow	48242167	90 degree elbow, Kích thước: Ø51X7; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA210C	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X7 mm MATERIAL: SA210C PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 51 mm ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	20	
31		180 degree elbow	48248069	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X7.5; Kiểu: R51, L=500, Vật liệu: SA213T22	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R51, L=500 SIZE: Ø51X7.5 mm MATERIAL: SA213T22 ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	20	
32		180 degree elbow	48248073	180 degree elbow, Kích thước: Ø51X7.5; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA213T22	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X7.5 mm MATERIAL: SA213T22 ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	5	
33		90 degree elbow	48242170	90 degree elbow, Kích thước: Ø51X7.5; Kiểu: R153, L=500 Vật liệu: SA 213T22	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R153, L=500 SIZE: Ø51X7.5 mm MATERIAL: SA 213T22 PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 51 mm ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAH-M-M1A-DID-0009		Cái	7	
VI	**Bộ tái nhiệt đầu vào**								

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
34		180 degree elbow	48248074	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R140, L=500; Vật liệu: SA-210C,	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R140, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	20	
35		180 degree elbow	48248075	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R140, L=500; Vật liệu: SA-213T22,	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R140, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-213T22 ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	20	
36		180 degree elbow	48248039	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R60, L=500;Vật liệu: SA-210C,	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R60, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-210C ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	5	
37		180 degree elbow	48248076	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R60, L=500;Vật liệu: SA213T22	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R60, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA213T22 ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	20	
38		90 degree elbow	48242215	90 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R140, L=500; Vật liệu: SA-210C,	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: 90° Long Radius (R140), L = 500 mm SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: ASTM SA-210 Grade C Carbon Steel OUTLET SIZE: Φ60 mm PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 60 mm mm ADDITIONAL INFORMATION: Inlet Reheater, VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	6	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
39		90 degree elbow	48242171	90 degree elbow, Kích thước: Φ60X4, Kiểu: R140, L=500; Vật liệu: SA-213T22,	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R140, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-213T22 PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 60 mm ADDITIONAL INFORMATION: VA1-BWBC-00HAJ-M-MIA-DID-0001		Cái	20	
VII	**Ống tái nhiệt đầu ra**								
40		180 degree elbow	48248079	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4; Kiểu: R120, L=500, Vật liệu: SA-213T91	ELBOW; OTHER MODEL: N/A TYPE: R120, L=500 SIZE: Φ60x4 mm MATERIAL: SA-213T91 ADDITIONAL INFORMATION: Application: Reheater outlet sections ; Drawing: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0003		Cái	10	
41		90 degree elbow	48242217	90 degree elbow, Kích thước: Φ60X4; Kiểu: R120, L=500, Vật liệu: SA-213T91	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R120, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-213T91 PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: 60 mm ADDITIONAL INFORMATION: Application: Reheater outlet sections ; Drawing: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0003		Cái	2	
42		180 degree elbow	48248078	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4,5 Vật liệu: SA-213T22 Kiểu: R40, L=500	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R40, L=500 SIZE: Φ60x4,5 mm MATERIAL: SA-213T22 ADDITIONAL INFORMATION: Application: Reheater outlet sections ; Drawing: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0003		Cái	10	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
43		180 degree elbow	48248077	180 degree elbow, Kích thước: Φ60X4; Kiểu: R120, L=500, Vật liệu: SA-213T22	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R120, L=500 SIZE: Φ60X4 mm MATERIAL: SA-213T22 ADDITIONAL INFORMATION: Application: Reheater outlet sections ; Drawing: VA1-BWBC-00HAJ-M-M1A-DID-0003.dwg		Cái	10	
VIII	**Ống quá nhiệt cấp 2 đầu ra**								
44		90 degree elbow	48242213	90 degree elbow, Kích thước: Ø42x6,5; Kiểu: R100, L=500, Vật liệu: SA-213T91	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: SOCKET WELD R100, L=500 SIZE: Ø42x6,5 mm MATERIAL: SA-213T91 PRESSURE CLASS: 20 MPa OUTSIDE DIAMETER: 42 mm ADDITIONAL INFORMATION: Area: Final SH, (Superheat Level 2)		Cái	20	
45		90 degree elbow	48242169	90 degree elbow, Kích thước: Ø51x7,5; Kiểu: R105, L=500, Vật liệu: SA-213T91, Khu vực:	ELBOW; 90 DEGREE ANGLE STEEL TYPE: R105, L=500 SIZE: Ø51x7,5 mm MATERIAL: SA-213T91 PRESSURE CLASS: N/A OUTSIDE DIAMETER: Ø51 mm ADDITIONAL INFORMATION: Secondary superheater outlet tube		Cái	20	
46		180 degree elbow	48248072	180 degree elbow, Kích thước: Ø51x7,5; Kiểu: R92, L=500, Vật liệu: SA-213T91	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R92, L=500 SIZE: Ø51x7,5 mm MATERIAL: SA-213T91 ADDITIONAL INFORMATION: Secondary superheater outlet tube		Cái	20	
47		180 degree elbow	48248071	180 degree elbow, Kích thước: Ø51x7,5; Kiểu: R87, L=500, Vật liệu: SA-213T91	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R87, L=500 SIZE: Ø51x7,5 mm MATERIAL: SA-213T91 ADDITIONAL INFORMATION: Secondary superheater outlet tube		Cái	20	

Stt	Thiết bị/ Hệ thống	Tên vật tư	Mã vật tư	Quy cách/ Đặc tính kỹ thuật	Mô tả kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp vật tư
IX	**Ống quá nhiệt mành**								
48		180 degree elbow	48248070	180 degree elbow, Kích thước: Ø51x7; Kiểu: R87, L=500, Vật liệu: SA-213T91,	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R87, L=500 SIZE: Ø51x7 mm MATERIAL: SA-213T91 ADDITIONAL INFORMATION: Used in high temperature Platen Superheater (Platen SH)		Cái	5	
49		180 degree elbow	48248068	180 degree elbow, Kích thước: Ø51x7; Kiểu: R87, L=500, Vật liệu: SA-213T22	ELBOW; OTHER MODEL: U-bend tube TYPE: R87, L=500 SIZE: Ø51x7 mm MATERIAL: SA-213T22 ADDITIONAL INFORMATION: Used in high temperature Platen Superheater (Platen SH)		Cái	5	